

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ SÔNG CẦU
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 22/9/2021

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Tiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Chấn

2. Ông Lê Văn Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn”

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị B, sinh năm 1985; nơi ĐKTT: Thôn L, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên; địa chỉ: Thôn M, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Bùi Văn Th, sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn L, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/11/2020, quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Thị B (chị B) trình bày: Chị và anh Bùi Văn Th (anh Th) tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X ngày 05/6/2014. Sau khi kết hôn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nguyên nhân do anh Th có hành vi bạo lực gia đình, thường xuyên đánh, chửi mắng, xúc phạm chị,

đuổi chị khỏi nhà nên chị đã đưa các con về nhà cha mẹ ruột sống, chị và anh Th sống ly thân từ đó đến nay đã 03 năm. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc nhau. Do đó, chị không còn tình cảm vợ chồng với anh Th, chị không muốn tiếp tục cuộc sống vợ chồng như vậy, chị B yêu cầu được ly hôn ông Thắng.

Về con chung: Có 02 con chung tên Bùi Phúc A– sinh ngày 17/12/2016, Bùi Bích Tr – sinh ngày 17/12/2016. Từ khi vợ chồng sống ly thân, các con chung do chị nuôi dưỡng. Anh Th chỉ hỗ trợ chị nuôi con được 02 lần với tổng số tiền 8.000.000đ, sau đó bỏ mặc, không quan tâm nữa nên chị B yêu cầu được nuôi các con, không yêu cầu ông Thắng cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng CSXH số tiền 20.000.000 đồng vay chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn vào ngày 21/8/2019.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn anh Bùi Văn Th (anh Th) trình bày: Anh và chị B tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X ngày 05/6/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc nhưng do anh làm ăn thua lỗ, xảy ra nợ nần, dẫn đến vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, chị B đưa con về nhà cha mẹ ruột ở, vợ chồng sống ly thân đã 02 năm. Trong thời gian sống ly thân, ngoài thời gian anh đi làm xa thì mỗi lúc anh ở nhà, anh lui tới thăm vợ con.

Về con chung: Có 02 con chung tên Bùi Phúc A– sinh ngày 17/12/2016, Bùi Bích Tr – sinh ngày 17/12/2016. Trong trường hợp ly hôn, anh yêu cầu được nuôi con Bùi Phúc An, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, các con do chị B nuôi dưỡng. Anh có gửi tiền cho vợ phụ nuôi con được 02 lần, lần đầu 6.000.000đ, lần hai 2.000.000đ. Do đặc thù công việc nên anh thường xuyên đi làm xa, không ở nhà thường xuyên.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng có khoản nợ chung là nợ Ngân hàng CSXH số tiền 20.000.000 đồng vay chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn vào ngày 21/8/2019. Anh sẽ chịu trách nhiệm trả khoản nợ này, không yêu cầu chị B phải cùng trả.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị B vẫn giữ nguyên yêu cầu đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử tuân theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. Các đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị B; chị B được nuôi dưỡng con chung Bùi Phúc A và Bùi Bích Tr, anh Th không

phải cấp dưỡng nuôi con chung; chị B đã trả nợ chung của vợ chồng và xác định vợ chồng không còn khoản nợ nào khác, đồng thời không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên đề nghị HĐXX không xem xét. Chị B phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Hai bên đương sự có tranh chấp về ly hôn, bị đơn anh Th có hộ khẩu thường trú tại Thôn L, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị B, anh Th có đủ điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X ngày 05/6/2014 đúng quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên là hôn nhân hợp pháp. Chị B, anh Th đều xác định cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng anh chị sống ly thân đã hơn 02 năm. Trong thời gian sống ly thân, anh chị không quan tâm, chăm sóc nhau. Do đó, tuy anh Th không đồng ý ly hôn nhưng Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng chị B, anh Th không thể khắc phục, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị B, cho chị B được ly hôn anh Th.

[3] *Về con chung:* Có 02 con chung tên Bùi Phúc A– sinh ngày 17/12/2016, Bùi Bích Tr – sinh ngày 17/12/2016. Anh Th yêu cầu được nuôi con Bùi Phúc An, giao con Bùi Bích Tr cho chị B nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. HĐXX xét thấy đặc thù công việc của anh Th thường xuyên đi làm xa, không ở nhà thường xuyên. Mặt khác từ thời điểm chị B, anh Th sống ly thân đến nay, các con chung do chị B trực tiếp nuôi dưỡng. Nay chị B cũng có yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Bùi Phúc A và Bùi Bích Tr, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung khi ly hôn là có căn cứ, phù hợp hoàn cảnh sống thực tế của các cháu và quy định pháp luật nên HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị B, không chấp nhận yêu cầu của anh Th.

[4] *Về tài sản chung:* Không giải quyết.

[5] *Về nợ chung:* Chị B, anh Th xác định vợ chồng anh chị chỉ có 01 khoản nợ chung là khoản nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền 20.000.000 đồng vay chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn vào ngày 21/8/2019. Chị B đã trả khoản nợ nêu trên cho Ngân hàng, được Ngân hàng xác nhận đồng thời rút yêu cầu khởi kiện theo Đơn đề nghị rút đơn khởi kiện ngày 27/8/2021. Tòa án đã đình chỉ giải quyết yêu cầu độc lập theo Quyết định đình chỉ số 34A/2021/QĐST-HNGĐ

ngày 27/8/2021. Ngoài khoản nợ này, vợ chồng anh chị không còn khoản nợ nào khác và không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xem xét.

[5] *Về án phí*: Nguyên đơn chị B phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Lê Thị B được ly hôn anh Bùi Văn Th.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Bùi Phúc A– sinh ngày 17/12/2016, Bùi Bích Tr – sinh ngày 17/12/2016. Giao cháu Bùi Phúc A và Bùi Bích Tr cho chị Lê Thị B nuôi dưỡng. Anh Bùi Văn Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Bùi Văn Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí:

Nguyên đơn chị Lê Thị B phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền số AA/2019/0005232 ngày 23 tháng 4 năm 2021 của Chi cục thi hành án Dân sự thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Đương sự (02);
- VKSND TX.Sông Cầu (02);
- TAND tỉnh Phú Yên (01);
- Chi cục THA TX.Sông Cầu (01);
- UBND xã Xuân Lộc (01);
- Án văn (01);
- Lưu hs (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Phạm Thị Ngọc Tiên